

Số: 1537 /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
Công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Thông tin và Truyền thông**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng và Cục trưởng Cục An toàn thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Bãi bỏ Quyết định số 2060/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục An toàn thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực TT&TT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Lưu: VT, Cục ATTT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Anh Tuấn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC CÔNG
NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN
LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

S T T	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	2.001123	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng	Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.	Công nghệ thông tin, điện tử	Cục An toàn thông tin
2	1.005446	Cấp lại giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng			

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng

Trình tự thực hiện	- Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng theo quy định và nộp đến Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông; - Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục An toàn thông tin kiểm tra và gửi thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ của hồ sơ bằng văn bản hoặc hình thức điện tử. - Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định và cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng cho doanh nghiệp. - Trường hợp từ chối cấp, Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục An toàn thông tin; - Nộp qua dịch vụ Bưu chính; (Địa chỉ Cục An toàn thông tin: Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông (http://dichvucong.mic.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng; - Giấy chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy: bản sao có chứng thực, trường hợp bản sao không có chứng thực thì mang bản chính để đối chiếu; - Tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng của sản phẩm đề nghị nhập khẩu: bản sao, bằng tiếng Việt Nam hoặc tiếng Anh.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục An toàn thông tin
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng
Lệ phí (nếu có)	200.000 đồng/lần cấp
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)	Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng (Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có Giấy phép kinh doanh sản phẩm an toàn thông tin mạng; - Sản phẩm an toàn thông tin mạng phải thực hiện chứng nhận, công bố hợp quy theo quy định tại Điều 39 của Luật An toàn thông tin mạng; - Đối tượng và mục đích sử dụng sản phẩm an toàn thông tin mạng không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng; - Thông tư số 269/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an toàn thông tin; - Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng; - Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi,

	bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.
--	---

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
SẢN PHẨM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG**

Kính gửi: Cục An toàn thông tin.

- Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Căn cứ Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng;
- Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương;
- Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng;
- Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Cục An toàn thông tin cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng với các nội dung sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp:
2. Người đại diện theo pháp luật:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do
cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
4. Địa chỉ trụ sở chính:

5. Điện thoại: 6. Thư điện tử:
 7. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng số
 do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày ... tháng ... năm

Phần 2. Sản phẩm nhập khẩu

1. Tên sản phẩm:
 2. Ký hiệu:
 3. Tính năng về an toàn thông tin:
 4. Mã HS:
 5. Số lượng:
 6. Hãng sản xuất:
(Nếu có nhiều sản phẩm thì lập danh mục kèm theo đơn)
 7. Mục đích nhập khẩu:
 8. Đối tượng và mục đích sử dụng:
(Nếu chưa xác định được đối tượng sử dụng thì bổ sung phương án phân phối, dự kiến đối tượng sử dụng và bổ sung ngay sau khi xác định được đối tượng sử dụng)

Phần 3. Hồ sơ kèm theo

1.
 2.
 3.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông về nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
hoặc ký số của doanh nghiệp)*

2. Cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng

Trình tự thực hiện	- Trường hợp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng còn hiệu lực nhưng bị mất hoặc bị hư hỏng, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng theo quy định và nộp đến Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông. - Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng cho doanh nghiệp.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục An toàn thông tin; - Nộp qua dịch vụ Bưu chính; (Địa chỉ Cục An toàn thông tin: Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông (http://dichvucong.mic.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục An toàn thông tin
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng
Lệ phí (nếu có)	100.000 đồng/lần cấp

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng (Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng còn hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng; - Thông tư số 269/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an toàn thông tin; - Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng; - Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
SẢN PHẨM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG**

Kính gửi: Cục An toàn thông tin.

- Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
 - Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
 - Căn cứ Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng;
 - Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương;
 - Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng;
 - Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng;
- (Tên doanh nghiệp) đề nghị Cục An toàn thông tin cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng với các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Người đại diện theo pháp luật:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Điện thoại: 5. Thư điện tử:

6. Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng số do Cục trưởng Cục An toàn thông tin cấp ngày ... tháng ... năm

7. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:

(Tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông về nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
hoặc ký số của doanh nghiệp)